

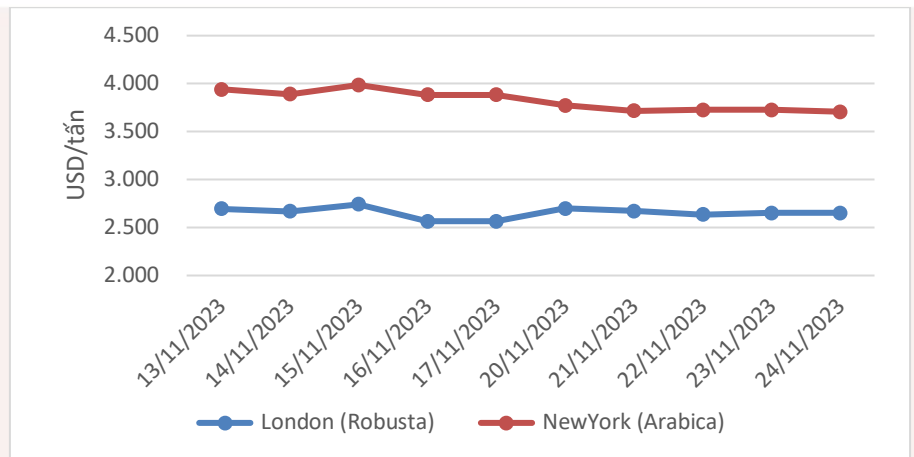


BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta tại thị trường London kỳ hạn tháng 1/2024 đạt mức bình quân 2.662 USD/tấn, tăng 0,55% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica tại thị trường New York kỳ hạn tháng 3/2024 đạt mức bình quân 3.730 USD/tấn, giảm 4,75 % so với tuần trước.
- ❖ Theo mạng lưới thông tin nông nghiệp toàn cầu của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), ước tính sản lượng cà phê Ấn Độ niên vụ 2023-2024 đạt 5,95 (bao 60 kg) triệu bao, tăng 2,41% so với niên vụ trước.
- ❖ Theo USDA, dự báo sản lượng cà phê từ tháng 4 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024 của Indonesia đạt 9,7 triệu bao, giảm 18,14% so với cùng kỳ.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Tuần 47 (từ 20 đến 24/11/2023), giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 1/2024 tại thị trường London đạt 2.662 USD/tấn, tăng 0,55% so với tuần trước và tăng 45,5% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.700 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.637USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2024 bình quân đạt 3.730 USD/tấn, giảm 4,75% so với mức giá tuần trước, nhưng tăng 5,1% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.773 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.707 USD/tấn. [1]

Giá cà phê Robusta tăng do lo ngại thiếu nguồn cung theo báo cáo của Bộ phận Nông nghiệp nước ngoài (FAS) trực thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo nguồn cung sụt giảm từ các nước sản xuất chính tại Đông Nam Á. Trong khi đó, giá cà phê Arabica giảm do dự báo sản lượng cà phê Arabica natural của Brasil tăng 12% trong niên vụ 2023/2024, lên đạt 44,9 triệu bao do diện tích trồng và năng suất tăng. [2]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Trung Quốc: Sau nhiều năm giữ vững vị thế là chuỗi cà phê lớn nhất Trung Quốc, Starbucks đã chính thức bị công ty Trung Quốc Luckin Coffee soán ngôi. Tính hết quý II/2023, Luckin Coffee có 10.829 cửa hàng tại Trung Quốc, vượt xa tổng số 6.480 cửa hàng của Starbucks. Luckin Coffee đã trở thành chuỗi cà phê lớn nhất Trung Quốc do (1) Đẩy mạnh việc thực hiện nhượng quyền để tăng số lượng cửa hàng; (2) Giá đồ uống của Luckin rẻ hơn Starbucks, trung bình tương đương khoảng 1,40 USD đến 2,75 USD mỗi cốc so với 4,10 USD của Starbucks làm tăng sức tiêu thụ...[3]

Nepal: Ủy ban phát triển Chè và Cà phê quốc gia Nepal đã tăng mức hỗ trợ tối thiểu đối với cà phê thóc và cà phê anh đào để hỗ trợ nông dân khi chi phí sản xuất cao. Cụ thể, (1) Đối với cà phê thóc loại A, là cà phê đạt chứng nhận hữu cơ và được trồng ở độ cao 800 mét, nông dân được hỗ trợ 0,75 USD/kg, tăng 0,038 USD/1kg; (2) Đối với cà phê anh đào khô loại A, người dân được hỗ trợ 1,5 USD/kg, tăng 0,23 USD/kg, đây là loại cà phê được sấy khô dưới ánh nắng trực tiếp hoặc thông qua các quá trình khác đảm bảo độ ẩm của hạt đạt 11%. [4]

Ấn Độ: Theo mạng lưới thông tin nông nghiệp toàn cầu của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), ước tính sản lượng cà phê Ấn Độ niên vụ 2023-2024 (từ tháng 9-2023 đến tháng 10-2024) đạt 5,95 triệu bao (bao 60 kg), tăng 2,41% so với niên vụ trước. Trong đó, cà phê Arabica đạt 1,42 triệu bao, chiếm 24% tổng sản lượng cà phê của nước này, giảm 14,82% so với niên vụ trước; cà phê Robusta đạt 4,53 triệu bao, chiếm 76%, tăng 7,86%. USDA ước tính năng xuất cà phê Arabica trung bình đạt 416 kg/ha, và năng xuất cà phê Robusta đạt 1.187kg/ha. [5]

Sản lượng cà phê tiêu thụ trong nước của Ấn Độ niên vụ 2023-2024 đạt 1,27 triệu bao, tăng 2,42% so với cùng kỳ niên vụ trước. Nguyên nhân tiêu thụ trong nước tăng chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ cà phê hòa tan tại nhà tăng thông qua việc bán hàng online và các kênh bán lẻ. [5]

Về xuất khẩu, dự báo xuất khẩu cà phê của Ấn Độ niên vụ 2023-2024 đạt 4,25 triệu bao, tăng 6,25% so với niên vụ trước. [5]

Indonesia: Theo USDA, dự báo sản lượng cà phê từ tháng 4 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024 của Indonesia đạt 9,7 triệu bao, giảm 18,14% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng cà phê Arabica đạt 1,3 triệu bao, giảm 3,7%; sản lượng cà phê Robusta đạt 8,4 triệu bao, giảm 20%. Nguyên nhân của dự báo giảm sản lượng là do thời tiết không thuận lợi, tác động đến sự phát triển của cây cà phê. Năng xuất cà phê bình quân của quốc gia này đạt 700 đến 1.000 kg/ha. [6]

Về tiêu thụ trong nước, sản lượng tiêu thụ cà phê nội địa tại Indonesia từ tháng 4/2023 đến tháng 3/2024 ước đạt 4,79 triệu bao, tăng 0,42% so với cùng kỳ. [6]

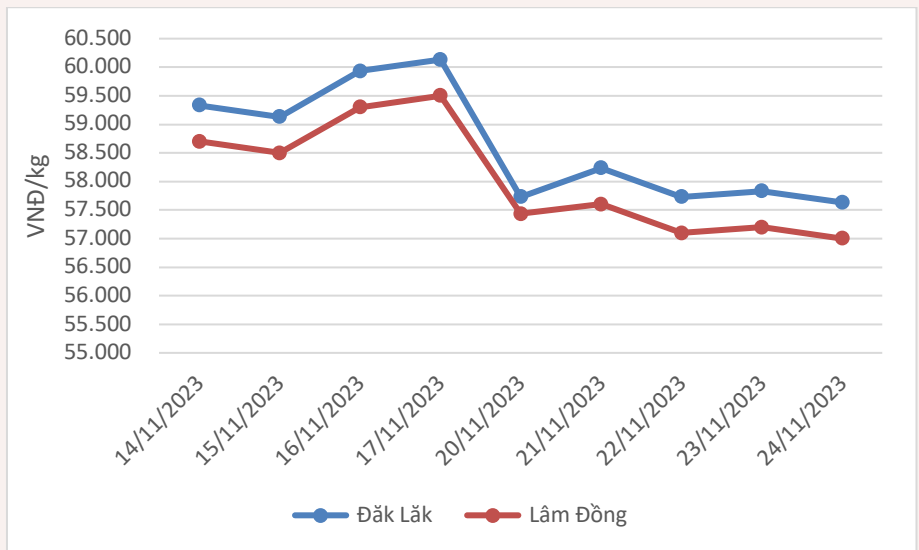
Về xuất khẩu, dự báo xuất khẩu cà phê của Indonesia trong vụ mới này đạt 5 triệu bao, giảm 35,2% so với cùng kỳ do một số nguyên nhân chính: (1) sản lượng cà phê của nước này giảm; (2) tiêu dùng nội địa tăng. [6]

Đức: Một triển lãm thương mại ở Châu Âu tập trung vào ngành cà phê khách sạn có tên CoHo Expo dự kiến ra mắt tại Berlin, Đức, vào năm 2024. Triển lãm được thiết kế để thu hút du khách từ khắp các ngành công nghiệp cà phê, dịch vụ thực phẩm và khách sạn, bao gồm các nhà điều hành chuỗi cửa hàng cà phê, công ty rang xay, nhà điều hành quán cà phê độc lập, nhà điều hành chuỗi bánh, và nhóm nhà hàng... [7]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên giảm tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 57.833 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 57.267 VNĐ/kg.
- ❖ Niên vụ 2022-2023 (từ tháng 10-2022 đến tháng 9-2023), xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt gần 1,7 triệu tấn, giảm 4,5% so với niên vụ 2021-2022.
- ❖ Theo Tổng cục Hải quan, trong nửa đầu tháng 11/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt gần 37 nghìn tấn với giá trị đạt 116 triệu USD.
- ❖ 10 tháng năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Algeria đạt 52.174 tấn, kim ngạch đạt 116 triệu USD, tăng 52% về lượng và 67% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 57.833 VNĐ/kg, giảm 2,56% so với tuần trước (giảm 1.520 VNĐ/kg), nhưng tăng 45,41% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 57.267 VNĐ/kg, giảm 2,48% so với tuần trước (giảm 1.453 VNĐ/kg), nhưng tăng 45,47% so với cùng kỳ năm trước. [8]

Giá cà phê giảm do các vùng sản xuất trong nước đang vào chính vụ thu hoạch dẫn đến nguồn cung tăng.

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Tình hình xuất khẩu cà phê Việt Nam nửa đầu tháng 11/2023

Theo Tổng cục Hải quan, trong nửa đầu tháng 11/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt gần 37 nghìn tấn, cao gấp 2,1 lần so với cùng kỳ tháng trước. Giá trị cà phê xuất khẩu đạt hơn 116 triệu USD, tăng hơn 83% so với cùng kỳ tháng trước, nhưng giảm 18% so với cùng kỳ năm 2022. Dự kiến 11 tháng 2023, cà phê xuất khẩu khoảng 1,4 triệu tấn, trị giá ước đạt 3,5 tỷ USD, tăng khoảng 3% so với cùng kỳ năm trước.[9]

Thị trường xuất khẩu chính của cà phê Việt Nam niên vụ 2022-2023

Theo Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam, kết thúc niên vụ 2022-2023 (từ tháng 10/2022 đến tháng 9/2023), thị trường xuất khẩu lớn nhất của cà phê Việt Nam là Đức, với sản lượng gần 219.000 tấn.

Tiếp theo là các thị trường Ý (156.000 tấn), Mỹ (143.000 tấn), Nhật Bản, Nga, Tây Ban Nha... Thị trường Trung Quốc xếp thứ 10, với hơn 44.000 tấn cà phê từ Việt Nam.

Châu Âu vẫn là thị trường lớn nhất của cà phê xuất khẩu từ Việt Nam với khối lượng gần 802.000 tấn (chiếm hơn 48%), giá trị 1,9 tỷ USD (chiếm 46% tổng giá trị xuất khẩu của cà phê Việt Nam). [10]

Tình hình xuất khẩu cà phê Việt Nam sang Algeria

10 tháng năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Algeria đạt 52.174 tấn, kim ngạch đạt 116 triệu USD, tăng 52% về lượng và 67% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Ước tính năm 2023, kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường này có thể đạt 125 triệu USD, tăng 47% so với năm 2022. Algeria nằm trong danh sách 10 thị trường xuất khẩu cà phê thô lớn nhất của Việt Nam. Từ nhiều năm qua, cà phê cũng là mặt hàng xuất khẩu số 1 của Việt Nam sang Algeria, thường chiếm trên 60% tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào thị trường này. [11]

Algeria không sản xuất cà phê trong nước, phải nhập khẩu 100%. Với dân số hơn 46 triệu người, hàng năm, Algeria nhập khẩu khoảng 130.000 tấn cà phê thô các loại với trị giá khoảng 300 triệu USD. Những nước xuất khẩu cà phê chủ yếu cho Algeria là Việt Nam, Brazil, Colombia, Indonesia, Côte d'Ivoire, Ethiopia và Uganda. [11]

Tham tán thương mại Việt Nam tại Algeria đánh giá cà phê Việt Nam vẫn còn dư địa xuất khẩu sang Algeria do được doanh nghiệp nhập khẩu và người tiêu dùng đánh giá cao về chất lượng, hương vị. [11]

Tình hình xuất khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 10/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,76 nghìn tấn, trị giá 6,31 triệu USD, tăng 11,2% về lượng và tăng 22,2% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2022, xuất khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ giảm 78,8% về lượng và giảm 69,3% về trị giá. Lũy kế 10 tháng năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 93,84 nghìn tấn, trị giá 224,97 triệu USD, giảm 3,5% về lượng và giảm 4,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. [12]

Về giá xuất khẩu, tháng 10/2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt

3.586 USD/tấn, tăng 9,9% so với tháng 9/2023 và tăng 45,1% so với tháng 10/2022. Tuy nhiên, tính chung 10 tháng năm 2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của nước ta sang thị trường Hoa Kỳ giảm 0,8% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 2.397 USD/tấn. [12]

Gia Lai: Năm 2023, diện tích cà phê tỉnh Gia Lai đạt 98 nghìn ha. Trong đó, diện tích cà phê cho thu hoạch đạt 87 nghìn ha, tập trung chủ yếu tại các huyện: Đăk Đoa, Ia Grai, Chư Prông, Chư Păh, Mang Yang, Đức Cơ, Kbang. Hiện tại, Gia Lai đang vào vụ thu hoạch cà phê. Theo các hộ dân, mặc dù giá cà phê tăng cao khoảng 12.000 VNĐ/kg nhưng lợi nhuận thu về không được như kỳ vọng do năng suất giảm, đạt khoảng hơn 10 tấn tươi/ha. [13]

Để nâng cao chất lượng sản phẩm, chính quyền và ngành nông nghiệp Gia Lai đang tăng cường khuyến cáo, tổ chức giám sát ngay từ khâu thu hoạch đảm bảo quả chín đạt tỷ lệ trên 80%. Thực tế cho thấy, các hộ vẫn thu hoạch cà phê khi chưa đảm bảo tỷ lệ khuyến cáo, tỷ lệ hạt xanh còn cao dẫn tới giảm chất lượng cà phê xuất khẩu. Nguyên nhân của vấn đề này chủ yếu xuất phát từ doanh nghiệp và thương lái thu mua hai loại cà phê này với giá không chênh lệch nhau quá nhiều. Điều này, không đủ sức khuyến khích nông dân trồng cà phê thu hái quả chín đạt tỷ lệ theo khuyến cáo để đảm bảo chất lượng cà phê. [13]

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. giacaphe.com
3. tastingtable.com
4. kathmandupost.com
5. iandmsmith.com
6. iandmsmith.com
7. dailycoffeenews.com
8. Cộng tác viên cà phê khu vực Tây nguyên
9. congthuong.vn
10. danviet.vn
11. [Thông tấn xã Việt Nam](http://thongtinxavietnam.com)
12. [Cục Xuất nhập khẩu- Bộ Công thương](http://CucXuatNhapKhau-Bocongthuong.gov.vn)
13. nongnghiep.vn

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VND/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	57.433	57.600	57.100	57.200	57.000	57.267	-1.453
Di Linh	58.100	57.600	57.100	57.200	57.000	57.400	-1.320
Lâm Hà	57.100	57.600	57.100	57.200	57.000	57.200	-1.520
Bảo Lộc	57.100	57.600	57.100	57.200	57.000	57.200	-1.520
ĐẮK LẮK	57.733	58.233	57.733	57.833	57.633	57.833	-1.520
Cư M'gar	57.800	58.300	57.800	57.900	57.700	57.900	-1.520
Ea H'leo	57.700	58.200	57.700	57.800	57.600	57.800	-1.520
Buôn Hồ	57.700	58.200	57.700	57.800	57.600	57.800	-1.520
ĐẮK NÔNG	57.450	57.950	57.450	57.650	57.450	57.590	-1.680
Gia Nghĩa	57.500	58.000	57.500	57.700	57.500	57.640	-1.680
Đắk R'lấp	57.400	57.900	57.400	57.600	57.400	57.540	-1.680
GIA LAI	57.433	57.933	57.433	57.633	57.433	57.573	-1.600
Chư Prông	57.500	58.000	57.500	57.700	57.500	57.640	-1.600
Pleiku	57.400	57.900	57.400	57.600	57.400	57.540	-1.600
La Grai	57.400	57.900	57.400	57.600	57.400	57.540	-1.600
KON TUM	57.500	58.000	57.500	57.700	57.500	57.640	-1.560
Đắk Hà	57.500	58.000	57.500	57.700	57.500	57.640	-1.560

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn